

Số: /KTHM-05/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2024

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN  
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**

(Từ tháng 6 đến tháng 11/2024)

**1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua**

**1.1. Tình hình khí tượng:**

**a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:**

+ **Dông, lốc, sét, mưa đá:** Từ tháng 3 đến nửa đầu tháng 5/2024, trên phạm vi toàn quốc xảy ra nhiều trận dông, lốc và mưa đá tập trung nhiều nhất ở các tỉnh phía Bắc. Tuy nhiên, ở các huyện vùng núi thuộc Bắc và Trung Trung Bộ, trên khu vực Tây Nguyên cũng đã xảy ra một số trận dông lốc gây thiệt hại đáng kể (Bảng 1-3-Phụ lục).

+ **Nắng nóng:** Từ tháng 3/2024 đến nay, đã xuất hiện các đợt nắng nóng như sau: Trong tháng 3/2024, khu vực miền Đông Nam Bộ liên tục xảy ra nhiều ngày nắng nóng diện rộng, có nơi nắng nóng gay gắt, với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 35,0-38,0°C, có nơi trên 38,0°C; trong đó ngày 26-27/3, nắng nóng xuất hiện diện rộng lan sang cả khu vực miền Tây Nam Bộ. Trong tháng 4/2024, khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Phú Yên đã xuất hiện 03 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt vào thời kỳ từ ngày 01-04/4, từ ngày 12-17/4 và từ ngày 19-30/4; trong đó từ ngày 26-30/4 nắng nóng xuất hiện trên toàn Bắc Bộ và Trung Bộ, riêng các tỉnh Tây Bắc Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Phú Yên có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt với nhiệt độ phổ biến từ 39-42°C, riêng Trung Bộ có nơi lên đến 44°C. Sang tháng 5/2024, nắng nóng chỉ còn duy trì ở khu vực Trung và Nam Trung Bộ trong ngày 01-02/5, đến ngày 03/5 nắng nóng thu hẹp chỉ xảy ra cục bộ. Tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ trong tháng 4 và tháng 5 liên tục xuất hiện nắng nóng và nắng nóng gay gắt. Như vậy, từ ngày 08/3 đến nay, các tỉnh miền Đông Nam Bộ đã có nắng nóng liên tục lên đến gần 70 ngày. Trên cả nước đã ghi nhận nhiều trạm khí tượng xảy ra giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) và có nơi vượt cả giá trị cao nhất năm từng quan trắc được; riêng trong tháng 4/2024 đã có 110 trạm vượt GTLS (Bảng 4-6-Phụ lục).

+ *Không khí lạnh (KKL)*: Thời kỳ từ tháng 3/2024 đến nay đã có 02 đợt KKL vào các ngày: 06/3 và ngày 19/3.

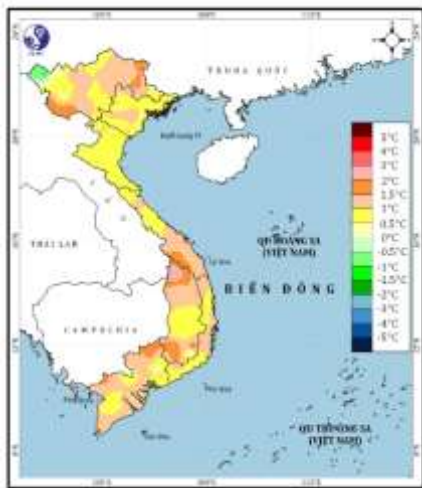
+ *Mưa diện rộng*: Trong tháng 3 và nửa đầu tháng 4/2024, ở khu vực Đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có nhiều ngày mưa nhỏ, mưa phùn và sương mù. Thời kỳ nửa cuối tháng 4/2024, khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã xuất hiện 02 đợt mưa rào và dông vào các ngày: Từ ngày 18-21/4 và ngày 24-25/4. Sang tháng 5, từ ngày 01 đến 13/5, ở Bắc Bộ liên tục có mưa dông diện rộng, có ngày có mưa vừa, mưa to, riêng ngày 04, 07 và 11/5 mưa bị gián đoạn; trong đó ngày 02-04/5, 06-07/5 và 10-13/5 mưa dông mở rộng xuống khu vực Thanh Hóa-Thừa Thiên Huế. Khu vực Tây Nguyên từ ngày 02-05/5 có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa, mưa to. Khu vực Nam Bộ có mưa rào và dông rải rác vào các ngày 04-05/5, 07-09/5, 11 và 13/5. Trong đó một số nơi đã xuất hiện lượng mưa ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 7-Phụ lục*).

*b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:*

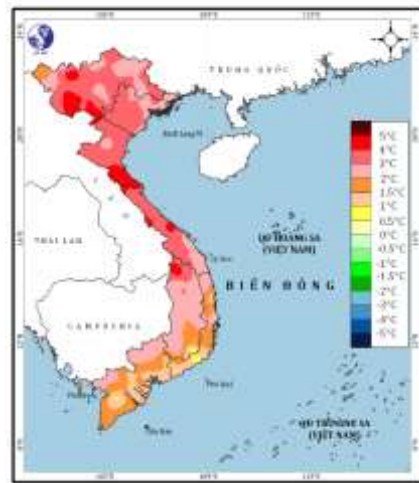
+ *Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB)*:

Tháng 3/2024, NĐTĐB phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5<sup>0</sup>C; một số nơi ở Tây Bắc Bắc Bộ và Tây Nguyên NĐTĐB cao hơn 2,0<sup>0</sup>C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ riêng Mường Tè (Lai Châu) nhiệt độ thấp hơn 1,1<sup>0</sup>C so với TBNN (*Hình 1a*).

Tháng 4/2024, NĐTĐB tại các khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 2,0-4,0<sup>0</sup>C, có nơi trên 4,0<sup>0</sup>C. Các khu vực khác phổ biến cao hơn từ 1,0-3,0<sup>0</sup>C, riêng Tây Nguyên có nơi cao hơn 3,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 1b*).



(a)



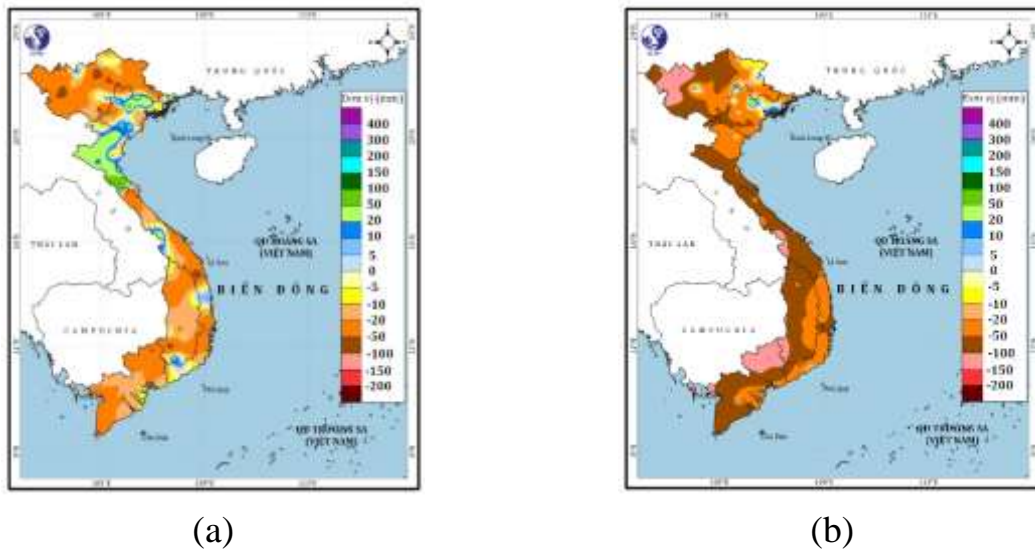
(b)

*Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2024;  
(b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2024.*

NĐTB nửa đầu tháng 5/2024, tại khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN; các khu vực còn lại phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0<sup>0</sup>C, có nơi cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Tổng lượng mưa (TLM):

Tháng 3/2024, tại các khu vực phía Đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có TLM ở mức cao hơn từ 20-40mm, có nơi trên 50mm; các khu vực khác trên cả nước phổ biến xấp xỉ đến thiếu hụt từ 20-50mm so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2a*).



*Hình 2: (a) Chuẩn sai lượng mưa tháng 3/2024;  
(b) Chuẩn sai lượng mưa tháng 4/2024.*

Tháng 4/2024, TLM trên cả nước phổ biến thiếu hụt 30-60mm, khu vực Tây Bắc Bắc Bộ, Đông Nam Bộ phổ biến thiếu hụt trên 100mm. Riêng khu Đông Bắc Bắc Bộ có nơi xấp xỉ đến cao hơn từ 15-30mm so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2b*).

Thời kỳ nửa đầu tháng 5/2024: Tại khu vực Bắc Bộ, TLM cao hơn từ 100-200%; riêng một số nơi cao hơn 200% so với TBNN. Các khu vực khác phổ biến thấp hơn 30-90%, có nơi thấp hơn 100% so với TBNN cùng thời kỳ.

### **1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước**

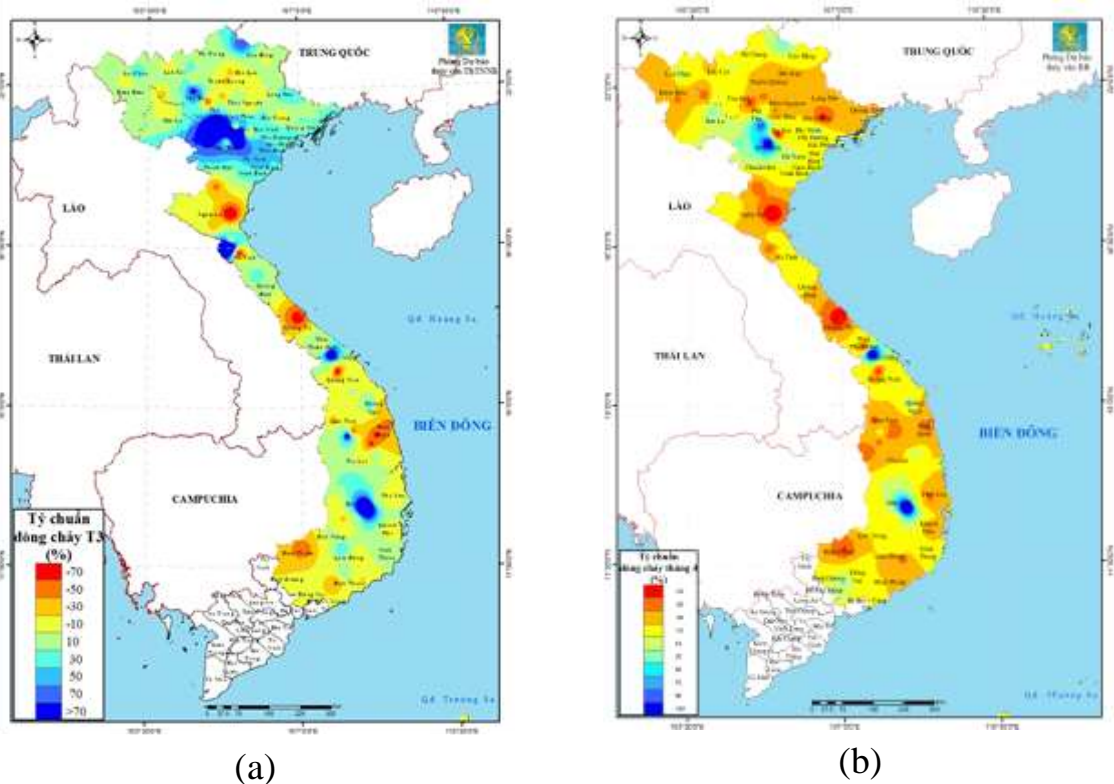
+ Khu vực Bắc Bộ:

Mực nước các sông khu vực Bắc Bộ xuống dần và ở mức thấp, đặc biệt, trên sông Thao tại Phú Thọ (tháng 4/2024) đã xuất hiện mực nước thấp nhất lịch sử. Dòng chảy trên các sông khu vực Bắc Bộ phổ biến thiếu hụt so với TBNN từ 30-40%, riêng dòng chảy trên sông trên sông Thao và hạ lưu sông Lô thiếu hụt từ 60-80% so với TBNN.

So với cùng kỳ năm 2023, dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên hệ thống sông Hồng ở mức thấp hơn từ 20-30%; riêng dòng chảy đến hồ Thác Bà lớn hơn năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng cao hơn năm 2023 khoảng 7,540 triệu m<sup>3</sup>.

+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ tháng 3 đến đầu tháng 5/2024, mực nước trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên biến đổi chậm và ở mức thấp. Trên một số sông đã xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc như: Sông Mã (Thanh Hóa) tại Lý Nhân 0,82m (01h/23/4), sông Cả (Nghệ An) tại Nam Đàn -0,85m (13h/29/4); sông Vu Gia (Quảng Nam) tại Ái Nghĩa 1,41m (05h/15/4); sông Thu Bồn (Quảng Nam) tại Hiệp Đức 11,70m (20h/02/5), tại Giao Thủy -0,59m (01h/02/5); sông Đăkbla (Kon Tum), tại trạm Konplong 590,25m (19h/10/5).



Hình 3: (a) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 3/2024  
và (b) bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 4/2024

Lưu lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi), sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) và một số sông ở khu vực Tây Nguyên (sông Krông Buk, sông Eakrông) phổ biến ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 25-50%; các sông Ngân Phố (Hà Tĩnh), sông Bến Hải (Quảng Trị), sông Vu Gia (Quảng Nam), sông Vệ (Quảng Ngãi) và sông La Ngà (nam Bình Thuận) thấp hơn từ 60-80%; các sông khác ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên ở mức thấp hơn TBNN từ 20-50%.

Tình trạng khô hạn, thiếu nước ngoài vùng cấp nước của các công trình thủy lợi đã xảy ra, ảnh hưởng đến dân sinh và sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và các tỉnh khu vực Tây Nguyên.

+ Khu vực Nam Bộ:

*Sông Đồng Nai*: Từ tháng 3 đến nay, mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm.

*Sông Cửu Long*: Mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Kông biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN (2012-2023) từ 0,1-1,5m. Hiện tại, mực nước Biển Hồ (Campuchia) tại trạm Kompong Luong cao hơn 0,08m so với TBNN và cao hơn 0,22m so với cùng kỳ năm 2023. Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Kông (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ đầu tháng 3 đến nay ở mức thấp hơn 23% so với TBNN.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất ngày 12/5 trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc cao hơn TBNN từ 0,15-0,30m.

*Tình hình xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)*: Từ tháng 3-5/2024, ở ĐBSCL đã xuất hiện 02 đợt xâm nhập mặn tăng cao vào thời kỳ 10-13/3, 08-15/4; ranh mặn 4g/l tại các cửa sông phổ biến ở mức cao hơn TBNN, cùng kỳ năm 2023, nhưng thấp hơn năm 2016, 2020.

### **1.3. Tình hình hải văn:**

- Sóng biển: Từ tháng 4/2024 đến đầu tháng 5/2024, áp cao lục địa suy yếu và lệch Đông, vùng áp thấp nóng phía Tây phát triển và mở rộng dần về phía Đông gây sóng lớn trên khu vực Vịnh Bắc Bộ và vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, sóng biển cao sóng cao 1,5-2,5m, biển động nhẹ; ngoài khơi khu vực Bắc Biển Đông (bao gồm vùng biển quần đảo Hoàng Sa) sóng biển cao 1,5-3,0m, biển động.

- Triều cường: Từ tháng 4 đến đầu tháng 5/2024, khu vực ven biển miền Đông Nam Bộ xuất hiện 01 đợt triều cường, mực nước lớn nhất tại trạm hải văn Vũng Tàu đạt 4,18m lúc 03h00 ngày 10/4.

## **2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 6-8/2024**

### **2.1. Khí tượng**

- Hiện tượng ENSO: Từ nay đến hết tháng 6/2024, El Nino chuyển sang trạng thái trung tính với xác suất 80-85%; từ tháng 7, tháng 8, ENSO sẽ chuyển dần sang trạng thái Lanina với xác suất từ 65-75%.

- Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ): Từ nay đến tháng 8/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 03-05 cơn bão/ATNĐ; trong đó có khoảng 01 cơn đổ bộ vào đất liền (số lượng bão/ATNĐ TBNN trên Biển Đông từ 05-06 cơn, TBNN đổ bộ vào Việt Nam khoảng 02 cơn).

- Trên phạm vi cả nước tiếp tục có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- Nắng nóng: Tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ nắng nóng có xu hướng gia tăng trong thời kỳ từ nửa cuối tháng 5-7/2024. Hiện tượng nắng nóng và nắng nóng gay gắt có khả năng xuất hiện nhiều hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

- Khô hạn: Ở khu vực Trung Bộ, khô hạn có khả năng xuất hiện và kéo dài trong thời kỳ từ nửa cuối tháng 5-8/2024.

- Mùa mưa tại khu vực Bắc Bộ xuất hiện tương đương TBNN (tháng 5); mùa mưa tại khu vực Trung Bộ có khả năng xuất hiện tương đương so với TBNN (vào khoảng cuối tháng 8 và nửa đầu tháng 9). Mùa mưa tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng bắt đầu từ nửa cuối tháng 5 (xuất hiện muộn hơn so với TBNN); từ tháng 6-8/2024 gió mùa Tây Nam có xu hướng hoạt động mạnh hơn so với trung bình.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:* Bão/ATNĐ và gió mùa Tây Nam có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng nắng nóng sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như các hoạt động sản xuất; đặc biệt thời kỳ nửa cuối tháng 5-7/2024 mức độ nắng nóng có thể gia tăng gay gắt hơn. Ngoài ra, mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của cộng đồng ở các khu vực chịu tác động.

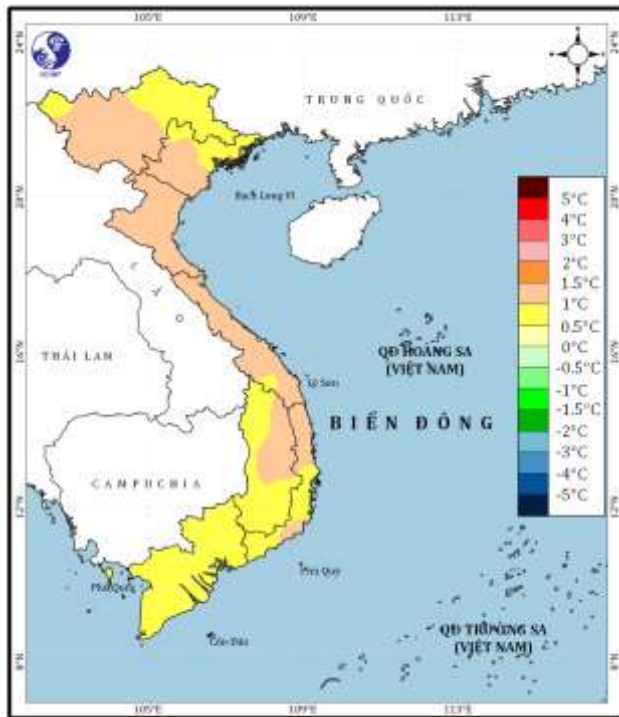
- *Nhiệt độ trung bình:* Từ tháng 6-8/2024, NĐTB phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 4a, 5a, 6a*).

- *Tổng lượng mưa:*

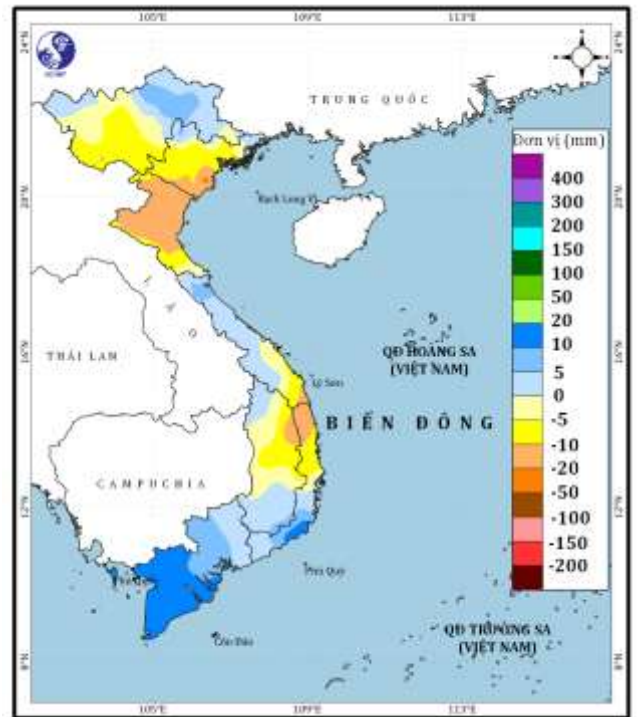
+ Khu vực Bắc Bộ: TLM tháng 6-8/2024 phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: TLM từ tháng 6-8/2024 phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; riêng khu vực Trung và Nam Trung Bộ TLM tháng 7-8/2024 cao hơn từ 10-30% so với TBNN

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: Tháng 6/2024, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Tháng 7-8/2024 TLM tại khu vực phổ biến ở mức cao hơn từ 5-20% so với TBNN; riêng tháng 8/2024 TLM tại khu vực Tây Nguyên phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

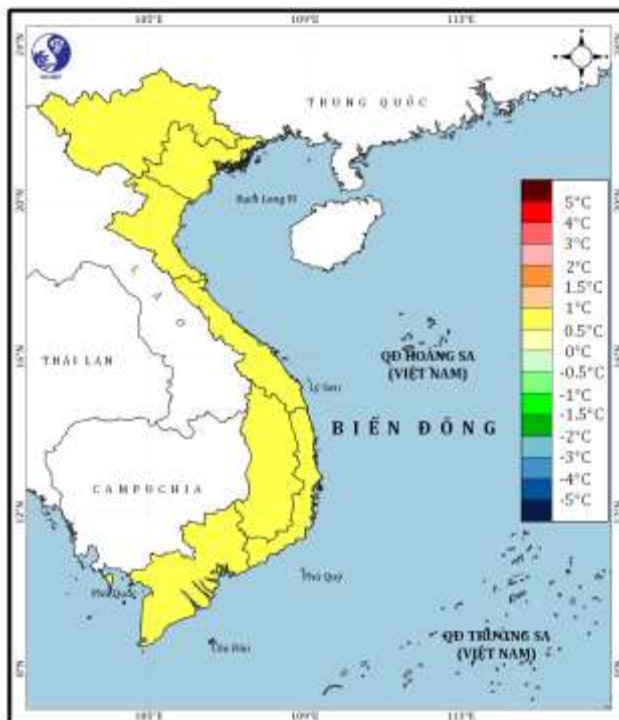


(a)

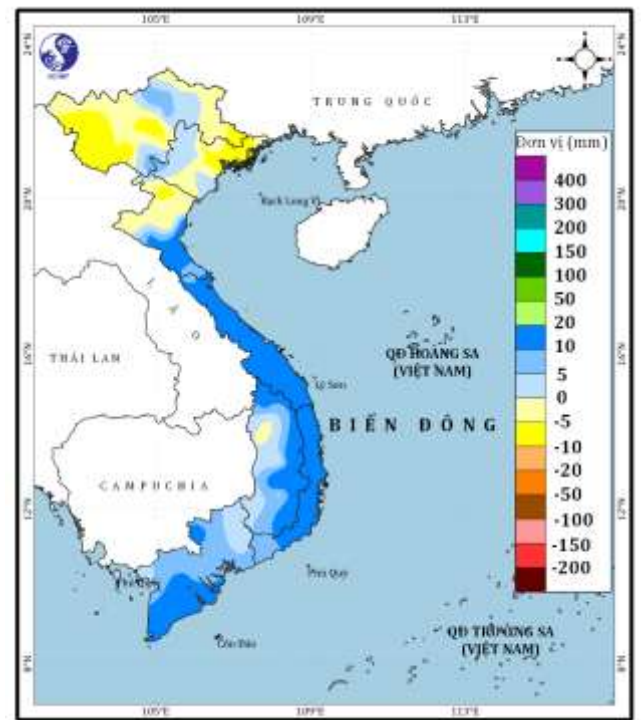


(b)

Hình 4: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 6/2024  
và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 6/2024.

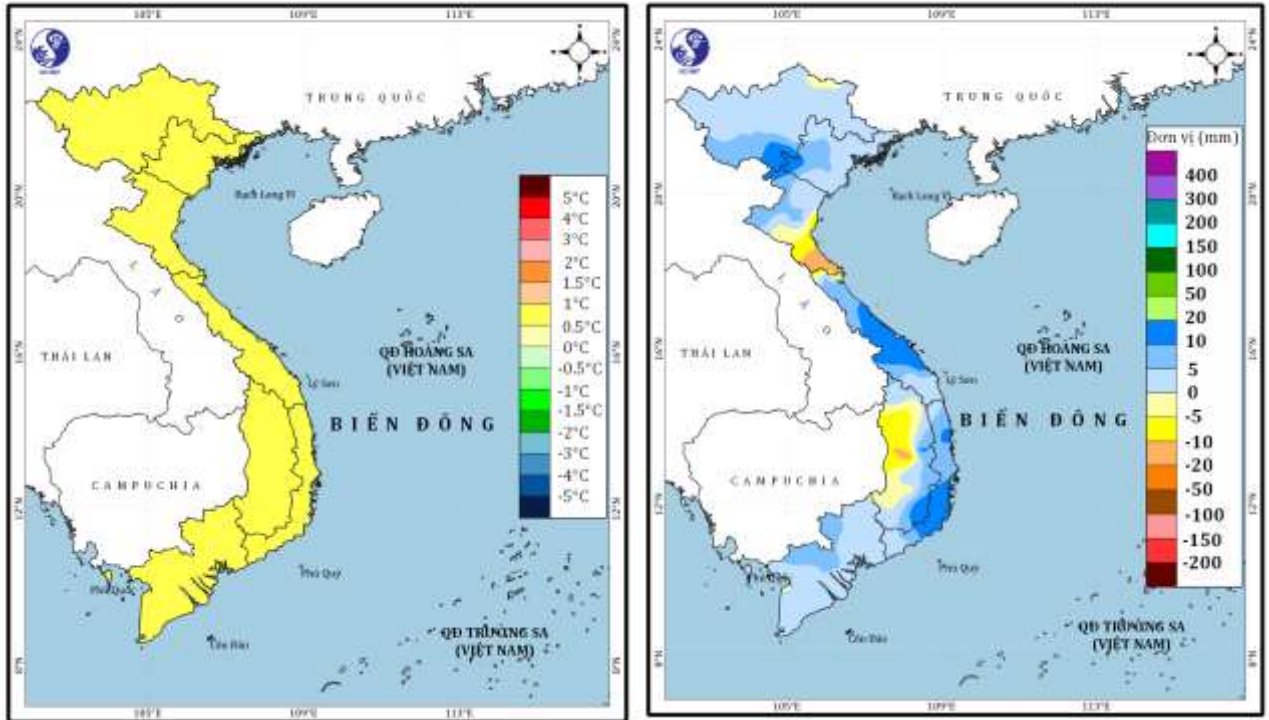


(a)



(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 7/2024  
và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 7/2024.



(a)

(b)

Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 8/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2024.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Từ tháng 6-8/2024, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, riêng tháng 6/2024, TLM ở khu vực thượng và trung lưu sông Mê Kông ở mức thấp hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa phổ biến từ tháng 6-8/2024

Khu vực dự báo	Tháng 6/2024		Tháng 7/2024		Tháng 8/2024	
	Ttb ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)	Ttb ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)	Ttb ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	26,0-27,0	150-250	25,5-26,5	200-300	25,0-26,0	220-320
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	29,5-30,5	150-250	29,5-30,5	190-290	28,5-29,5	260-360
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	29,0-30,0	150-250	28,5-29,5	170-270	28,0-29,0	310-410
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	29,5-30,5	170-270	29,5-30,5	210-310	28,5-29,5	280-380
Vinh (Bắc Trung Bộ)	30,5-31,5	170-270	30,0-31,0	100-200	29,0-30,0	200-300



Khu vực dự báo	Tháng 6/2024		Tháng 7/2024		Tháng 8/2024	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
<b>Huế (Trung Trung Bộ)</b>	29,5-30,5	50-100	29,5-30,5	70-150	29,5-30,5	140-240
<b>Nha Trang (Nam Trung Bộ)</b>	29,5-30,5	20-50	29,0-30,0	40-80	29,0-30,0	50-100
<b>Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)</b>	25,5-26,5	160-260	25,0-26,0	210-310	25,0-26,0	250-350
<b>Châu Đốc (Nam Bộ)</b>	28,0-29,0	100-160	27,5-28,5	130-210	27,5-28,5	110-210

## 2.2. Thủy văn và nguồn nước

### + Khu vực Bắc Bộ

Mùa lũ năm 2024 ít có khả năng đến sớm trên các sông suối khu vực Bắc Bộ. Từ tháng 6-8/2024, trên các sông Bắc Bộ xuất hiện các đợt lũ, mực nước đỉnh lũ trên các sông chính ở khu vực Bắc Bộ ở mức báo động (BD)1- BD2, các sông suối nhỏ ở mức BD2 đến BD3. Các đợt lũ phổ biến xuất hiện vào thời kỳ tháng 8/2024.

Từ tháng 6-8/2024, dòng chảy trên các sông và các hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ tiếp tục thiếu hụt so với TBNN, cụ thể: Dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên sông Đà thiếu hụt từ 30-40% so với TBNN; dòng chảy đến hồ Thác Bà (sông Chảy) và đến hồ Tuyên Quang (sông Gâm) có khả năng ở mức thiếu hụt từ 20-30% so với TBNN.

### + Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ nửa cuối tháng 5 đến tháng 8/2024, trên các sông từ Thanh Hóa, đến Hà Tĩnh, Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên xuất hiện 03-05 đợt lũ và dao động; các sông khác ở Trung Bộ, mực nước biến đổi chậm.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên phổ biến thiếu hụt từ 15-40% so với TBNN, đặc biệt trên sông Bến Hải (Quảng Trị) và sông La Ngà (nam Bình Thuận) thấp hơn TBNN từ 65-80%; riêng sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 15-30%.

Từ cuối tháng 5-8/2024, tình trạng khô hạn và thiếu nước có khả năng vẫn xảy ra tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, từ Phú Yên đến Ninh Thuận, đặc biệt tại những nơi ngoài vùng cấp nước của công trình thủy lợi.

+ Khu vực Nam Bộ:

**Sông Đồng Nai:** Từ nay đến cuối tháng 5/2024, mực nước biến đổi chậm. Từ tháng 6 đến 8/2024, trên sông Đồng Nai có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ.

**Sông Cửu Long:** Từ tháng 6-8/2024, là thời kỳ mùa lũ trên sông Mê Công và sông Cửu Long. Tổng lượng dòng chảy từ thượng nguồn sông Mê Công về ĐBSCL có xu thế lên dần và ở mức thấp hơn TBNN từ 10-15%. Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều và thấp hơn TBNN từ 0,1-0,3m.

Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 6-8/2024

Sông	Trạm	Tháng 6/2024			Tháng 7/2024			Tháng 8/2024		
		H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình (Q)	200	6000	1800	650	6500	2500	850	7000	2700
<b>Thao</b>	Yên Bái	2350	2750	2520	2450	2800	2570	2530	3000	2680
	Phú Thọ	1120	1320	1220	1150	1400	1270	1200	1480	1300
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	1350	1750	1500	1350	1900	1570	1360	1950	1580
	Vụ Quang	580	1050	650	650	950	700	560	1150	750
<b>Cầu</b>	Đáp Cầu	30	300	110	35	350	175	50	430	245
<b>Thương</b>	Phủ Lạng Thương	20	300	105	30	380	170	40	430	230
<b>Lục Nam</b>	Lục Nam	15	280	105	25	320	155	30	450	235
<b>Thái Bình</b>	Phả Lại	15	220	100	20	250	135	25	300	170
<b>Hồng</b>	Hà Nội	30	260	130	90	320	180	120	430	270
<b>Hoàng Long</b>	Bến Đé	-10	140	65	10	180	80	40	240	95
<b>Mã</b>	Giàng	-110	189	40	-100	214	51	-70	245	82
<b>Cả</b>	Nam Đàn	-80	155	25	-70	167	30	-50	210	60
<b>La</b>	Linh Cảm	-130	160	20	-135	170	23	-115	170	35
<b>Gianh</b>	Mai Hóa	-85	95	4	-90	92	2	-90	110	4
<b>Hương</b>	Kim Long	15	55	34	12	54	32	10	60	30
<b>Thu Bồn</b>	Câu Lâu	-58	65	5	-60	63	4	-60	70	6
<b>Trà Khúc</b>	Trà Khúc	-20	78	23	-25	75	18	-20	80	22
<b>Kôn</b>	Thanh Hòa	485	695	655	565	695	630	585	695	635
<b>Đà Rằng</b>	Phú Lâm	-98	65	-17	-93	58	-18	-100	60	-20
<b>Đắkbla</b>	Kon Tum	51540	51650	51600	51545	51670	51605	51550	51700	51607
<b>Krông Ana</b>	Giang Sơn	41480	41580	41538	41520	41640	41572	41600	41720	41629
<b>Đồng Nai</b>	Tà Lài	11025	11155	11070	11080	11200	11130	11130	11230	11160
<b>Tiền</b>	Tân Châu	-30	145	55	20	220	100	90	250	180
<b>Hậu</b>	Châu Đốc	-25	165	65	10	200	95	70	230	160

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 6-8/2024

Sông	Trạm	Tháng 6/2024		Tháng 7/2024		Tháng 8/2024	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình	190-290	4666	290-390	6696	290-390	7232
<b>Thao</b>	Yên Bái	160-260	778	270-370	1205	300-400	2196
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	170-270	2074	240-340	3134	240-340	3214
<b>Hồng</b>	Hà Nội	180-280	4666	230-330	6160	280-380	8839
<b>Cầu</b>	Gia Bảy	240-340	293	330-430	522	270-370	648
<b>Lục Nam</b>	Chũ	150-250	254	190-290	329	200-300	442
<b>Mã</b>	Cắm Thủy	170-270	726	260-360	1152	300-400	2410
<b>Cả</b>	Yên Thượng	90-140	570	120-220	763	200-300	1258
<b>La</b>	Hòa Duyệt	80-130	98	120-220	126	210-310	146
<b>Tả Trách</b>	Thượng Nhật	100-200	31.1	140-240	25.4	170-270	40.2
<b>Thu Bồn</b>	Nông Sơn	100-200	181	150-250	174	170-270	227
<b>Trà Khúc</b>	Sơn Giang	80-160	194	120-200	187	120-220	219
<b>Ba</b>	Củng Sơn	70-120	220	70-120	260	100-200	302
<b>Cái Nha Trang</b>	Đồng Trăng	30-60	120	40-80	145	40-80	165
<b>ĐăkBlá</b>	KonTum	160-260	42.8	260-360	49.6	280-380	54.9
<b>Srêpôk</b>	Giang Sơn	170-270	84.5	200-300	111	250-350	163
<b>Tiền</b>	Tân Châu	100-200	18514	100-200	29577	110-210	45330
<b>Hậu</b>	Châu Đốc	100-200	2659	100-200	4747	110-210	8679

### 2.3. Hải văn

- Sóng biển: Giai đoạn từ cuối tháng 5 đến tháng 8/2024 là thời kỳ hoạt động của gió mùa Tây Nam, độ cao sóng khu vực ngoài khơi Trung Bộ, trên khu vực Biển Đông (bao gồm quần đảo Hoàng Sa) khoảng 2,0-4,0m, biển động.

- Triều cường: Ven biển Đông Nam Bộ từ nửa cuối tháng 5 đến hết tháng 8/2024 xuất hiện 07 đợt triều cường: Đợt 1 từ ngày 23/5-28/5, đợt 2 từ ngày 04/06-9/6, đợt 3 từ ngày 22/6-26/6, đợt 4 từ ngày 05-08/7/2024, đợt 5 từ ngày 22-28/7/2024, đợt 6 từ ngày 04/8-09/8/2024, đợt 7 từ ngày 20/8-26/8/2024. Các đợt triều cường trên mực nước tại trạm Vũng Tàu đều nhỏ hơn 4,0m.

- Dự tính thủy triều:

Bảng 4: Dự tính thủy triều từ tháng 6-8/2024

Vị trí	Tháng 6/2024						Tháng 7/2024						Tháng 8/2024					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày
Cô Tô	440	17h00	25	-5	4h00	26	433	16h00	23	07	3h00	23	404	15h00	19	30	02h00	20
Bạch Long Vỹ	336	18h00	25	-25	6h00	26	333	17h00	08	-26	5h00	08	323	15h00	04	-15	03h00	04
Hòn Ngur	273	15h00	07	-10	5h00	7	281	16h00	22	7	5h00	6	291	14h00	19	28	03h00	02
Hoàng Sa	150	8h00	24	-20	17h	23	148	8h00	22	-18	16h	21	137	07h00	03	-12	16h00	03
Lý Sơn	202	9h00	24	39	17h00	23	200	8h00	22	45	17h00	22	191	07h00	04	53	17h00	04
Trường Sa	335	10h00	25	145	19h00	24	332	09h00	23	147	18h00	22	320	08h00	04	154	17h00	04
Phú Quý	282	10h00	25	109	20h00	25	287	05h00	20	115	19h00	23	289	04h00	17	132	18h00	20
Côn Đảo	342	14h00	09	15	22sh00	25	342	15h00	25	18	21h00	23	349	15h00	22	39	20h00	20
Thổ Chu	335	09h00	24	145	18h00	23	332	08h00	22	147	17h00	21	320	08h00	19	157	16h00	18

### **3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 9-11/2024**

#### **3.1. Khí tượng**

- *Hiện tượng ENSO*: Dự báo hiện tượng ENSO ở trạng thái La Nina với xác suất khoảng 65-75%.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 9-11/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 07-09 cơn bão/ATNĐ; trong đó có khoảng 03-04 cơn đổ bộ vào đất liền (số lượng bão/ATNĐ TBNN Biển Đông từ 06-07 cơn, TBNN đổ bộ vào Việt Nam khoảng 02-03 cơn). Đề phòng những cơn bão có diễn biến phức tạp cả về quỹ đạo cũng như cường độ.

- *Nắng nóng*: Nắng nóng xuất hiện cục bộ tại các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ chủ yếu trong tháng 9.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão/ATNĐ và gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Ngoài ra, mưa lớn, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình*: Tháng 9/2024, NĐTB trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN khoảng từ 0,5-1,5°C. Tháng 10, tháng 11/2024, NĐTB có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ: Tháng 9-10/2024 TLM phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN, riêng khu vực Tây Bắc, TLM phổ biến thấp hơn từ 10-20% so với TBNN. Tháng 11/2024, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: Tháng 9/2024, tại khu vực từ Thanh Hóa-Thừa Thiên Huế TLM phổ biến cao hơn từ 10-30% so với TBNN, khu vực từ Đà Nẵng đến Bình Thuận phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Tháng 10/2024, TLM phổ biến cao hơn từ 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 11/2024, TLM tại khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN, TLM tại khu vực Trung và Nam Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: TLM từ tháng 9-11/2024 phổ biến cao hơn từ 5-30% so với TBNN, riêng tháng 9/2024, TLM tại khu vực Tây Nguyên phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 9, tháng 11/2024, TLM phổ biến cao hơn từ 5-30% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 10/2024, khu vực thượng lưu sông Mê Kông, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, khu vực trung và hạ lưu sông Mê Kông, TLM phổ biến cao hơn từ 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ.

### **3.2. Thủy văn và nguồn nước**

#### **+ Khu vực Bắc Bộ:**

Mức nước đỉnh lũ trên các sông chính ở khu vực Bắc Bộ ở mức BĐ1 đến trên BĐ2, các sông suối nhỏ ở mức BĐ2-BĐ3, phổ biến cao hơn năm 2023 và thấp hơn TBNN. Các đợt lũ phổ biến xuất hiện vào thời kỳ tháng 8-9/2024.

Nguồn nước trên các sông ở khu vực Bắc Bộ tiếp tục ở mức thiếu hụt so với TBNN, cụ thể: Lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên lưu vực sông Đà thiếu hụt từ 30-40%; sông Gâm và sông Chảy thiếu hụt từ 15-30%, lưu vực sông Thao, sông Lô và sông Hồng thiếu hụt từ 40-50%.

#### **+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:**

Từ tháng 9-11/2024, trên các sông Trung Bộ, Tây Nguyên xuất hiện các đợt lũ. Mức nước đỉnh lũ ở hạ lưu sông Mã (Thanh Hóa), sông Cả (Nghệ An, Hà Tĩnh) ở mức BĐ1-BĐ2; hạ lưu các sông chính từ Quảng Bình đến Bình Định, Khánh Hòa và khu vực Tây Nguyên ở mức BĐ2-BĐ3, các sông ở Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận dao động ở mức BĐ2. Nguy cơ xảy ra ngập lụt tại các đô thị, thành phố lớn do ảnh hưởng của mưa lớn cục bộ. Lũ quét, sạt lở đất nguy cơ cao xuất hiện tại các khu vực vùng núi.

Lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, từ Quảng Bình đến Bình Định, Khánh Hòa, và khu vực nam Tây Nguyên ở mức tương đương và cao hơn TBNN từ 10-30%; các sông khác ở khu vực Trung Bộ, bắc Tây Nguyên thấp hơn TBNN từ 10-35%.

#### **+ Khu vực Nam Bộ:**

**Sông Đồng Nai:** Mức nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có khả năng xuất hiện 02-03 đợt lũ.

**Sông Cửu Long:** Từ tháng 9-11/2024, tổng lượng dòng chảy từ thượng nguồn sông Mê Kông về ĐBSCL dao động với xu thế tăng dần và ở mức thấp hơn TBNN từ 5-10%. Đỉnh lũ năm 2024 ở đầu nguồn sông Cửu Long dao động ở mức BĐ1; đỉnh lũ tại các trạm hạ nguồn sông Cửu Long ở mức BĐ2-

BĐ3 và trên BĐ3.

### **3.3. Hải văn**

- Từ tháng 9 đến tháng 11/2024, ven biển khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Bộ cần đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng trong bão và ATNĐ. Tại ven biển Tây Nam Bộ, cần đề phòng mực nước biển dâng cao bất thường gây sạt lở đê biển, nhất là trong thời gian xuất hiện triều cường kết hợp gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh tại khu vực.

- Khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 06 đợt triều cường: Đợt 1 từ ngày 03/9-07/9/2024, đợt 2 từ ngày 18/9-23/9/2024, đợt 3 từ ngày 03/10-07/10/2024, đợt 4 từ ngày 16/10-20/10/2024, đợt 5 từ ngày 02/11-05/11, đợt 6 từ ngày 12/11-20/11/2024. Trong đó có 03 đợt từ ngày 18/9-23/9 mực nước trạm Vũng Tàu có thể đạt 4,10m, đợt triều cường ngày 16/11-20/10/2024 mực nước trạm Vũng Tàu có thể đạt 4,25m, đợt triều cường ngày 12/11-20/11/2024 mực nước trạm Vũng Tàu có thể đạt 4,30m, nguy cơ cao gây ngập úng ở những vùng trũng thấp cửa sông, ven biển, khu vực ngoài đê bao.

*Tin phát ngày: 15/5/2024.*

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/6/2024./.*

#### **Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Văn phòng UBND Quốc gia và TKCN;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐBKH. ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Phúc Lâm**

**PHỤ LỤC**

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 3/2024  
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

<b>Hiện tượng</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Thời gian</b>
Dông, lốc	Xã Hương Nguyên, Quảng Nhâm, huyện A Lưới; xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	30/3/2024
Lốc	Anh Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An	29/3/2024
	TT Lao Bảo, Hướng Hoá, Quảng Trị	28/3/2024
	Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	29/3/2024
	Xã Phú Sơn, huyện Phú Đăng, tỉnh Bình Phước	28/3/2024
	Xã Phong Sơn, Phong Xuân- Huyện Phong Điền; xã Bình Tiến- huyện Hương Trà- tỉnh Thừa Thiên Huế	28/3/2024
	Xã Ngũ Chỉ Sơn, xã Hoàng Liên, xã Trung Chải, Phường Hàm Rồng- thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	04/3/2024
	Xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	04/3/2024
Mưa Lớn, dông, lốc	Xã Gia Điền, Phương Viên, Minh Hạc, Âm Hạ, Chuế Lưu, Lệnh Khanh- huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ	28/3/2024
Dông, lốc, sét,	Huyện Tương Dương, Anh Sơn, Quỳ	28-29/3/2024



mưa đá	Châu, Đô Lương, Con Cuông, Kỳ Sơn, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	
	Sơn La	28-29/3/2024
	Huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, tỉnh Hà Giang	28-29/3/2024
	Huyện Mường Khương, Bát Xát, Si Ma Cai, Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	28-29/3/2024
Mưa đá kèm đông lốc	Huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên, Mù Cang Chải, Yên Bái	28/3/2024
	Sốp Cộp, Sơn La	22/3/2024
	Huyện Mèo Vạc, Yên Minh, Quảng Bạ, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê – tỉnh Hà Giang	27/3/2024
	Huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng	27/3/2024
	Huyện Mường Khương, Si Ma Cai, Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	23-27/3/2024
	Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	31/3/2024

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 4/2024  
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và  
Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc	Xã Đăk som, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông	01/4/2024
Lốc, mưa đá	Huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hà, tỉnh Cao Bằng	02/4/2024
Lốc, mưa đá	Huyện Bát Xát, Mường Khương, Si Ma	01-02/4/2024

<b>Hiện tượng</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Thời gian</b>
	Cai, thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai	
Lốc	Xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	01-03/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Xã Anh Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	14/4/2024
Lốc	Huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	15/4/2024
Lốc	Xã Lìa, Xy, Thanh – Hướng Hoá – tỉnh Quảng Trị	15/4/2024
Lốc	Ấp Hoà Lợi, xã Hoà Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	16/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Hà Quảng, Bảo Lâm, Hoà An, Hạ Lạn, Quảng Hoà, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Bảo Lạc, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	17/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Lâm Bình, Chiêm Hoá, Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	17/4/2024
Mưa đá, dông, lốc	Huyện Quảng Chiếu, Pù Ninh, Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá	17/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Bắc Hà, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	17-18/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Đông Văn, Hoàng Su Phì, Yên Minh, Xí Mần, Quang Bình, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	17-18/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	17-18/4/2024
Đông, lốc	Xã Ngọc Lâm, Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	20/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Đà Bắc, Cao Phong, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm – tỉnh Bắc Kạn	19-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Hải Hà, Cô Tô, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	20-21/4/2024
Đông, lốc, mưa lớn	Huyện Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	20-21/4/2024
Đông, lốc, sét, mưa lớn	Huyện Đông Văn, Quảng Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Yên Lập, Tân Sơn, Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Lâm Thao, tỉnh	20-21/4/2024

<b>Hiện tượng</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Thời gian</b>
	Phú Thọ	
Đông, lốc	Huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Quảng Hoà, Hạ Lang, Hoà An, Bảo Lâm, Hà Quảng, Thạch An, tỉnh Cao Bằng	19-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Phù Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Pác Nặm, Ba Bể, Chợ Đồn, Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	21-22/4/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Bản Huồi Cáng 1, Huồi Cáng 2, xã Bắc Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	23/4/2024
Lốc	Xã Xuối Hoa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	23/4/2024
Mưa đá	Xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	24/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Vân Hồ, tỉnh Sơn La	24/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	24-25/4/2024
Lốc	Xã Mường Ải, Mường Típ, Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	26/4/2024
Mưa đá	Xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	26/4/2024

Bảng 3: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong 13 ngày đầu tháng 5/2024

(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

<b>Hiện tượng</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Thời gian</b>
Đông, lốc	Xã Đức Ninh, Thành Long, Bằng Cốc, Thái Hòa, Nhân Mục, Phù Lưu, Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang	01/5/2024
Đông, lốc, mưa đá	Xã Tam Quan, Yên Thắng - huyện Tương Dương - tỉnh Nghệ An	01/5/2024
Đông kèm gió mạnh	Thị xã Hương Thủy - huyện Phú Vang - tỉnh Thừa Thiên Huế	02/5/2024
Đông, lốc, mưa đá	Các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa, Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hoà An và Thành phố Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng	04/5/2024

Dông, lốc	các huyện Mèo Vạc, Đông Văn, Yên Minh và Bắc Mê - tỉnh Hà Giang	04-05/5/2024
Dông, lốc	Xã Phúc Thịnh - huyện Chiêm Hóa - tỉnh Tuyên Quang	04-05/5/2024
Lốc	Xã Mường Toong - huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	05/5/2024
Dông, lốc, sét, mưa đá	Huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, TP. Lào Cai - tỉnh Lào Cai	05-06/5/2024
Lốc	Xã Lương Hòa - huyện Châu Thành; Phường 8- Tp.Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh	06/5/2024
Sét	xã Hà An - huyện Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh	06/5/2024
Dông, lốc	Long An, Đồng Nai	07/5/2024
Dông, lốc, sét, mưa đá	Các huyện: Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	08/5/2024
Lốc	Xã Chân Sơn, Hùng Lợi, Nhữ Hán - Huyện Yên Sơn - Tỉnh Tuyên Quang	08/5/2024
Dông, lốc	Cao Bằng, Lào Cai	08-09/5/2024
Sét	Huyện Quế Phong, Yên Thành, Nghệ An	11/5/2024
Dông, sét	Xã Tiên Phong, huyện Quế Phong, Nghệ An	12/5/2024
Dông, lốc, vòi rồng	Phong Hải, Quảng Yên, Quảng Ninh	13/5/2024

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS tháng 03/2024

Trạm khí tượng (Tỉnh)	GTLS Tháng 3	Năm xuất hiện GTLS	Giá trị vượt GTLS	Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS
Đình Lập (Lạng Sơn)	35,7	1986	36,0	5/3/2024
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	36,4	1996	37,0	5/3/2024
Hòn Ngự (Nghệ An)	32,5	2020	35,3	5/3/2024
Hà Tĩnh	38,5	2023	39,4	5/3/2024
Pleiku (Gia Lai)	36,1	2016	36,3	18/3/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	37,8	2020	38,0	11/3/2024
Trị An (Đồng Nai)	37,4	2014, 2016	37,5	22/3/2024
Yên Châu (Sơn La)	38,9	1969, 2015	39,2	25/3/2024
Đắk Nông	36,5	2016	37,1	26/3/2024
Cát Tiên (Lâm Đồng)	37,5	2016	37,8	26/3/2024
Phước Long (Bình Phước)	38,3	1998	38,8	26/3/2024

Thổ Chu (Kiên Giang)	36,0	2022	36,1	26/3/2024
Vĩnh Long	36,2	2021	37,1	27/3/2024
Nha Trang (Khánh Hòa)	32,8	2022	33,3	28/3/2024
Mai Châu (Hòa Bình)	39,0	2015	39,2	31/3/2024
Đô Lương (Nghệ An)	38,6	2023	39,2	31/3/2024

Bảng 5: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS trong tháng 04/2024

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Nhiệt độ vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Tuần Giáo (Điện Biên)	38,4	2023	38,8	04/4/2024
Đà Lạt (Lâm Đồng)	29,7	2016	29,9	08/4/2024
Biên Hòa (Đồng Nai)	39,0	2020	40,0	09/4/2024
Long Khánh (Đồng Nai)	38,6	2013	39,5	09/4/2024
Than Uyên (Lai Châu)	37,8	2023	38,0	14/4/2024
Đắk Nông	37,0	2016	37,1	16/4/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38,6	2016	39,9	16/4/2024
Pha Đin (Điện Biên)	31,5	1983,2006	31,6	23/4/2024
Phú Quý (Bình Thuận)	34,8	1990	35,5	23/4/2024
Phước Long (Bình Phước)	38,5	1987	39,7	25/4/2024
Vĩnh Long	37,6	2019	38,5	25/4/2024
Trà Nóc (Cần Thơ)	36,5	2016	37,0	25/4/2024
Cần Thơ	36,7	2019	37,4	25/4/2024
Đà Nẵng	40,0	2013	40,7	26/4/2024
Ba Tơ (Quảng Ngãi)	41,4	2016	41,8	26/4/2024
Kim Bôi (Hòa Bình)	39,7	1998	40,3	27/4/2024
Chi Nê (Hòa Bình)	41,0	2019	41,7	27/4/2024
Hòa Bình	41,1	2019	41,6	27/4/2024
Lào Cai	39,5	2012	41,7	27/4/2024
Yên Bái	36,9	1983	37,9	27/4/2024
Hà Giang	37,7	2012	37,8	27/4/2024
Tuyên Quang	38,3	2015	38,8	27/4/2024
Hàm Yên (Tuyên Quang)	38,0	1998	38,5	27/4/2024
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	38,6	1998	39,0	27/4/2024
Thái Nguyên	37,7	1990	39,4	27/4/2024
Minh Đài (Phú Thọ)	40,4	2006	41,2	27/4/2024

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Nhiệt độ vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Việt Trì (Phú Thọ)	38,5	1998	38,8	27/4/2024
Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc)	38,3	2015	39,5	27/4/2024
Tam Đảo (Vĩnh Phúc)	32,1	1988	32,2	27/4/2024
Uông Bí (Quảng Ninh)	35,3	2009	36,3	27/4/2024
Hiệp Hòa (Bắc Giang)	37,0	2012	39,0	27/4/2024
Bắc Giang	36,5	2015	37,0	27/4/2024
Bắc Ninh	36,6	2012	38,3	27/4/2024
Ba Vì (Hà Nội)	38,3	2006,2012	41,2	27/4/2024
Sơn Tây (Hà Nội)	37,8	1998	40,4	27/4/2024
Láng (Hà Nội)	39,0	2006	41,5	27/4/2024
Hoài Đức (Hà Nội)	38,5	2019	40,7	27/4/2024
Hà Đông (Hà Nội)	37,2	2015	40,5	27/4/2024
Chí Linh (Hải Dương)	37,2	2015	37,8	27/4/2024
Hải Dương	36,5	1998	38,5	27/4/2024
Hưng Yên	38,2	2019	41,2	27/4/2024
Nam Định	37,7	2019	40,5	27/4/2024
Văn Lý (Nam Định)	34,7	1990	34,9	27/4/2024
Phủ Lý (Hà Nam)	38,9	1966	41,8	27/4/2024
Ninh Bình	40,2	2019	40,5	27/4/2024
Thái Bình	37,0	1990	39,0	27/4/2024
Yên Định (Thanh Hóa)	37,1	1966	39,0	27/4/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	40,6	2019	42,2	27/4/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	39,6	1983	40,8	27/4/2024
Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	38,2	2016	38,9	27/4/2024
Cát Tiên (Lâm Đồng)	38,0	2015,2016	39,1	27/4/2024
Đồng Phú (Bình Phước)	40,1	1987	40,2	27/4/2024
Trị An (Đồng Nai)	38,8	2016	38,9	27/4/2024
Sóc Trăng	37,1	1990	37,5	27/4/2024
Mường Lay (Điện Biên)	40,5	2023	41,0	28/4/2024
Điện Biên	38,4	2023	39,0	28/4/2024
Sơn La	38,0	2023	38,2	28/4/2024
Lạc Sơn (Hòa Bình)	40,7	2012	42,0	28/4/2024
Kỳ Anh (Hà Tĩnh)	38,8	2001,2007,2016	41,1	28/4/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,1	1980	44,0	28/4/2024

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Nhiệt độ vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Nha Trang (Khánh Hòa)	34,6	2009	34,7	28/4/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	36,4	2020	36,8	28/4/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,0	2017	37,8	28/4/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37,0	2003	38,1	28/4/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,5	2012	37,3	28/4/2024
Bắc Yên (Sơn La)	37,6	2023	38,0	29/4/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,3	2016	38,2	29/4/2024
Bến Tre	37,0	2016	38,0	29/4/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,4	1983	39,0	29/4/2024
Mường Tè (Lai Châu)	40,5	1980	41,7	30/4/2024
Phù Yên (Sơn La)	41,7	2019	42,0	30/4/2024
Mai Châu (Hòa Bình)	40,9	2019	42,5	30/4/2024
Phổ Ràng (Lào Cai)	39,8	2019	40,7	30/4/2024
Bắc Mê (Hà Giang)	40,0	2016	40,2	30/4/2024
Bắc Quang (Hà Giang)	38,0	1988	38,8	30/4/2024
Đồng Văn (Hà Giang)	33,0	2017,2019	34,0	30/4/2024
Chợ Rã (Bắc Kạn)	39,3	2012	39,8	30/4/2024
Cao Bằng	39,5	2006,2016	39,9	30/4/2024
Bảo Lạc (Cao Bằng)	39,7	1966,2012	40,8	30/4/2024
Trùng Khánh (Cao Bằng)	37,0	2006	37,2	30/4/2024
Thất Khê (Lạng Sơn)	38,5	2006	39,2	30/4/2024
Lạng Sơn	37,9	2012	38,6	30/4/2024
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	29,8	2012	31,2	30/4/2024
Móng Cái (Quảng Ninh)	32,5	2017	33,2	30/4/2024
Quảng Hà (Quảng Ninh)	32,8	2017	33,5	30/4/2024
Sơn Động (Bắc Giang)	38,7	2012	39,3	30/4/2024
Nho Quan (Ninh Bình)	40,6	2019	41,1	30/4/2024
Cúc Phương (Ninh Bình)	38,5	2012,2019	39,2	30/4/2024
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	35,3	2012	36,3	30/4/2024
Thanh Hóa	38,4	2019	40,1	30/4/2024
Như Xuân (Thanh Hóa)	40,0	2007	41,0	30/4/2024
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	40,8	2019	43,9	30/4/2024
Tương Dương (Nghệ An)	42,4	2019	44,0	30/4/2024
Qùy Hợp (Nghệ An)	41,8	2007	42,4	30/4/2024

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Nhiệt độ vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Con Cuông (Nghệ An)	42,0	1980,2019	43,2	30/4/2024
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	38,4	2019	42,0	30/4/2024
Đô Lương (Nghệ An)	41,5	2019	43,1	30/4/2024
Hòn Ngu (Nghệ An)	37,5	2019	40,1	30/4/2024
Vinh (Nghệ An)	41,0	2019	42,9	30/4/2024
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	40,4	2016	42,7	30/4/2024
Hà Tĩnh	40,3	2019	43,2	30/4/2024
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	39,4	2019	42,7	30/4/2024
Tuyên Hóa (Quảng Bình)	43,0	2019	43,1	30/4/2024
Đồng Hới (Quảng Bình)	41,0	2015	43,2	30/4/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	40,8	2015	43,2	30/4/2024
Khe Sanh (Quảng Trị)	39,3	2016	39,8	30/4/2024
A Lưới (Thừa Thiên Huế)	38,1	1983	39,2	30/4/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,1	2013	42,2	30/4/2024
Trà My (Quảng Nam)	40,5	1983	40,6	30/4/2024
Hoài Nhơn (Bình Định)	40,2	2016	40,9	30/4/2024

Bảng 6: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS trong thời kỳ 10 ngày đầu tháng 5/2024

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 5</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Nhiệt độ vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Tuần Giáo (Điện Biên)	39.6	2019	39.8	01/5/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	41.0	2023	41.4	01/5/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42.3	2023	43.2	01/5/2024
Huế	41.3	1983	42.1	01/5/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41.5	2023	41.8	01/5/2024
Đà Nẵng	40.5	1983	41.5	01/5/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	40.2	2010	41.0	01/5/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37.0	2020	37.5	01/5/2024
Tây Ninh	39.0	1983	39.5	01/5/2024
Cần Thơ	36.7	1983	37.2	01/5/2024



<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 5</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Nhiệt độ vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38.7	2016	38.9	02/5/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37.2	2005	38.2	02/5/2024
Vĩnh Long	37.1	2016	38.5	02/5/2024
Bến Tre	37.9	2020	38.2	02/5/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37.0	1980	38.5	02/5/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37.7	2016	38.3	02/5/2024
Châu Đốc (An Giang)	37.5	2005	38.4	03/5/2024

Bảng 7: Lượng mưa ngày cao nhất vượt GTLS trong thời kỳ tháng 3/2024

<b>Trạm khí tượng (Tỉnh)</b>	<b>GTLS Tháng 3</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Giá trị vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS</b>
Bắc Ninh (Bắc Ninh)	59,6	2020	74,9	19/3/2024